

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1991

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: anh Ngô Văn N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn 1, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Ngô Văn Th năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã p, huyện

Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh N. Tình cảm vợ chồng hoà thuận được 04 – 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm mọi chuyện. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh N.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Th vắng mặt tại phiên tòa.

** Đối với anh Ngô Văn N là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án, anh N đều vắng mặt và Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của anh N.*

Tại phiên tòa, anh N vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th ly hôn anh N.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Th nộp đơn yêu cầu ly hôn anh N, cư trú tại thôn T, xã p, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh N:

Chị Th và anh N kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã p, huyện Tân Yên nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 4 – 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm mọi chuyện. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Qua xác minh, gia đình anh N cũng cho biết anh chị mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn như chị Th trình bày. Nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh N. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh N.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Th và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Th được ly hôn anh Ngô Văn N.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

biên lai thu số AA/2018/0006395 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã p;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng